

SỞ XÂY DỰNG ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG XÉT CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁ NHÂN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA THI SÁT HẠCH ĐỢT 11 NGÀY 25/12/2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐ, ngày tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng)

Số TT	Mã môn thi	Họ và tên	Ngày sinh DD/MM/Y	Địa chỉ thường trú (Theo CMT hoặc TCC)	CMND /Thẻ Căn cước	SĐT	Email	Trình độ chuyên môn (CB-CN-KS-Ths-TS)	Lĩnh vực đăng ký Sát hạch	Hạng đăng ký (I-II-III)	Nơi đăng ký dự sát hạch	Đơn vị công tác	Ghi chú	Ghi chú
1	TK11	Nguyễn Quốc Tiến	10/2/1991	Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk	241303778	0349822698	ula.kthn10@gmail.com	Kỹ sư quản lý xây dựng đô thị	Thiết kế Quy hoạch xây dựng	2	DAL	Công ty TNHH TVXD Thành An	Cấp mới	- Chuyên môn đào tạo của cá nhân không phù hợp với lĩnh vực đề nghị thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 08/2018/TT-BXD ngày 05/10/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn như sau : Đối với lĩnh vực hành nghề Thiết kế Quy hoạch xây dựng : Chuyên môn được đào tạo thuộc một trong các chuyên ngành: kiến trúc, quy hoạch xây dựng, kinh tế đô thị, hạ tầng kỹ thuật hoặc các chuyên ngành có liên quan đến yêu cầu của việc lập đồ án quy hoạch xây dựng

STT	Môn thi	Mã môn thi
1	Định giá xây dựng	DG01
2	Giám sát Dân dụng và Công nghiệp	GS01
3	Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, công nghệ	GS02
4	Giám sát công trình NN&PTNT	GS06
5	Giám sát Công trình Giao thông	GS10
6	Khảo sát địa chất công trình	KS01
7	Khảo sát địa hình	KS02
8	Thiết kế Cấp thoát nước	TK02
9	Thiết kế Điện - Cơ điện	TK04
10	Thiết kế Kết cấu công trình DD&CN	TK09
11	Thiết kế Kiến trúc công trình	TK10
12	Thiết kế Quy hoạch xây dựng	TK11
13	Thiết kế công trình NN&PTNT	TK13
14	Thiết kế Hạ tầng kỹ thuật	TK14
15	Thiết kế Công trình Giao thông	TK17
16	Quản lý dự án	QLDA

**Chuyển
đổi
Chứng
chỉ**

1	PL Định giá Xây dựng	PLDG
2	PL Giám sát thi công xây dựng	PLGS
3	PL Khảo sát xây dựng	PLKS
4	PL Thiết kế xây dựng	PLTK
5	PL Thiết kế quy hoạch	PLQH

Hình thức dự thi	
Chuyển đổi	
Cấp mới	

15
14
7
13
8
18
12
7
1
1
4
1
2

1
104

STT	Tỉnh	Mã Tỉnh	
1	Bộ Xây dựng	BXD	BXD-Bộ Xây dựng
2	An Giang	ANG	ANG-An Giang
3	Bà Rịa - Vũng Tàu	BRV	BRV-Bà Rịa - Vũng Tàu
4	Bắc Giang	BAG	BAG-Bắc Giang
5	Bắc Kạn	BAK	BAK-Bắc Kạn
6	Bạc Liêu	BAL	BAL-Bạc Liêu
7	Bắc Ninh	BAN	BAN-Bắc Ninh
8	Bến Tre	BET	BET-Bến Tre
9	Bình Định	BID	BID-Bình Định
10	Bình Dương	BDG	BDG-Bình Dương
11	Bình Phước	BIP	BIP-Bình Phước
12	Bình Thuận	BIT	BIT-Bình Thuận
13	Cà Mau	CAM	CAM-Cà Mau
14	Cao Bằng	CAB	CAB-Cao Bằng
15	Cần Thơ	CAT	CAT-Cần Thơ
16	Đà Nẵng	DNA	DNA-Đà Nẵng
17	Đắk Lắk	DAL	DAL-Đắk Lắk
18	Đắk Nông	DAN	DAN-Đắk Nông
19	Điện Biên	DIB	DIB-Điện Biên
20	Đồng Nai	DON	DON-Đồng Nai
21	Đồng Tháp	DOT	DOT-Đồng Tháp
22	Gia Lai	GIL	GIL-Gia Lai
23	Hà Giang	HAG	HAG-Hà Giang
24	Hà Nam	HNA	HNA-Hà Nam
25	Hà Nội	HAN	HAN-Hà Nội
26	Hà Tĩnh	HAT	HAT-Hà Tĩnh
27	Hải Dương	HAD	HAD-Hải Dương
28	Hải Phòng	HAP	HAP-Hải Phòng
29	Hậu Giang	HGI	HGI-Hậu Giang
30	Hòa Bình	HOB	HOB-Hòa Bình
31	Hưng Yên	HUY	HUY-Hưng Yên
32	Khánh Hòa	KHH	KHH-Khánh Hòa
33	Kiên Giang	KIG	KIG-Kiên Giang
34	Kon Tum	KOT	KOT-Kon Tum
35	Lai Châu	LAC	LAC-Lai Châu
36	Lâm Đồng	LAD	LAD-Lâm Đồng
37	Lạng Sơn	LAS	LAS-Lạng Sơn
38	Lào Cai	LCA	LCA-Lào Cai
39	Long An	LOA	LOA-Long An
40	Nam Định	NAD	NAD-Nam Định
41	Nghệ An	NGA	NGA-Nghệ An
42	Ninh Bình	NIB	NIB-Ninh Bình
43	Ninh Thuận	NIT	NIT-Ninh Thuận
44	Phú Thọ	PHT	PHT-Phú Thọ
45	Phú Yên	PHY	PHY-Phú Yên
46	Quảng Bình	QUB	QUB-Quảng Bình
47	Quảng Nam	QUN	QUN-Quảng Nam

48	Quảng Ngãi	QNG	QNG-Quảng Ngãi
49	Quảng Ninh	QNI	QNI-Quảng Ninh
50	Quảng Trị	QTR	QTR-Quảng Trị
51	Sóc Trăng	SOT	SOT-Sóc Trăng
52	Sơn La	SOL	SOL-Sơn La
53	Tây Ninh	TAN	TAN-Tây Ninh
54	Thái Bình	THB	THB-Thái Bình
55	Thái Nguyên	THN	THN-Thái Nguyên
56	Thanh Hóa	THH	THH-Thanh Hóa
57	Thừa Thiên Huế	TTH	TTH-Thừa Thiên Huế
58	Tiền Giang	TIG	TIG-Tiền Giang
59	TP.Hồ Chí Minh	HCM	HCM-TP.Hồ Chí Minh
60	Trà Vinh	TRV	TRV-Trà Vinh
61	Tuyên Quang	TUQ	TUQ-Tuyên Quang
62	Vĩnh Long	VIL	VIL-Vĩnh Long
63	Vĩnh Phúc	VIP	VIP-Vĩnh Phúc
64	Yên Bái	YEB	YEB-Yên Bái